

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách tỉnh năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 5 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân
sách nhà nước năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh
năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 05/BC-KTNS ngày 21 tháng 02 năm 2022 của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2021,
cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2021 từ nguồn
tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020 chuyển sang năm 2021 và nguồn hoàn trả
ngân sách tỉnh năm 2021 là 220.170 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 01, 02 kèm theo)

- Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2021 đối
với nguồn Tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, các
khu tái định cư, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước, với số
tiền 1.246.032,148 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 01, 03 kèm theo)

- Điều chỉnh giảm nguồn vốn bội chi ngân sách năm 2021 do không có nhu cầu sử dụng, với số tiền 468.660 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo)

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2021 giữa các chủ đầu tư.

(Chi tiết có Phụ lục số 04 kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 5 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2022. *th*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *th*

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ - HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Kế hoạch 2021	Điều chỉnh Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.378.206,000	-1.494.522,148	4.883.683,852	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NSDP	4.499.760,000	-468.660,000	4.031.100,000	
I	Vốn ngân sách tập trung	557.260,000		557.260,000	
II	Vốn cấp quyền sử dụng đất	3.300.000,000		3.300.000,000	
III	Vốn xổ số kiến thiết	110.000,000		110.000,000	
IV	Bội chi ngân sách	532.500,000	-468.660,000	63.840,000	Vay lại các dự án ODA
B	NGUỒN TIỀN BÁN NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC	5.000,000	0	5.000,000	
C	NGUỒN VỐN KHÁC CỦA NGÂN SÁCH TỈNH	55.699,000	0	55.699,000	
D	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	1.500.000,000	-1.246.032,148	253.967,852	
Đ	NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CỦA DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 19 (ĐOẠN TỪ CẢNG QUY NHƠN ĐẾN GIAO QUỐC LỘ 1)	317.747,000	0	317.747,000	
E	NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021 VÀ NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021	0	220.170,000	220.170,000	



Handwritten signature

**DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 TỪ
NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021 VÀ NGUỒN HOÀN TRẢ
NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ - HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
	TỔNG SỐ	220.170,000	
1	Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát)	27.251,000	
2	Kè xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn	1.800,000	
3	Dự án Khu tái định cư Vĩnh Quang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	7.800,000	
4	Dự án Sửa chữa nâng cấp hồ Suối Mây, thị trấn Vân Canh	3.000,000	
5	Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít	7.000,000	
6	Dự án Trạm bơm Chà Rang, xã Bình Thuận	2.200,000	
7	Dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Đèo 2, xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ	4.000,000	
8	Đập dâng Lão Tâm	29.600,000	
9	Tuyến đường trục Khu kinh tế nối dài từ Km0+00 đến Vĩnh Mai Hương	30.000,000	
10	Nhà làm việc 2A Trần Phú	15.000,000	
11	Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Hạng mục: Khu điều trị và chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	44.219,000	
12	HTKT Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	220,159	
13	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất Xí nghiệp Song mây xuất khẩu, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên	2.000,000	
14	HTKT Khu đô thị mới Long Vân (khu A2) P. TQD.TP QN	4.000,000	
15	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, Khu vực 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	12.201,364	
16	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dọc đường Hoa Lư nối dài	500,000	
17	Đầu tư xây dựng HTKT Khu tái định cư HH1, HH2 tại KV1 phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	2.000,000	
18	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại dải cây xanh Khu TĐC phục vụ đầu tư xây dựng Khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	578,477	
19	Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình	2.000,000	
20	Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc QL1D	11.000,000	
21	Hạ tầng kỹ thuật tại khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ Giao thông Vận tải Bình Định và các khu vực liền kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	4.500,000	
22	Cải tạo hệ thống điện của Bệnh viện đa Khoa tỉnh	2.300,000	
23	Hệ thống kênh tưới hồ Đồng Mít	6.000,000	
24	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình hồ chứa nước Đồng Mít	1.000,000	

Thư ký

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021
TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, NGUỒN
THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ - HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.500.000,000	-1.246.032,148	253.967,852	
I	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	315.000,000	-258.508,633	56.491,367	
1	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5, số 8 Khu đô thị mới Nhơn Hội	80.000,000	-80.000,000		
2	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, TP Quy Nhơn (Đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	40.000,000	-12.543,732	27.456,268	
3	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ Đường trục KKT đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	40.000,000	-40.000,000		
4	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	90.000,000	-82.864,952	7.135,048	
5	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc	20.000,000	-20.000,000		
6	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	20.000,000	-20.000,000		
7	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	25.000,000	-3.099,949	21.900,051	
II	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI	1.185.000,000	-987.523,515	197.476,485	
1	Cầu Thị Nại 2	100.000,000	-100.000,000		
2	Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT 638) đoạn Km137+580 - Km143+787	35.000,000	-11.005,582	23.994,418	
3	Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn	0,000	0,000		
4	Đường ven biển (phía Tây đầm Thị Nại), đoạn từ Cát Tiến đến Gò Bồi	0,000	0,000		
5	Đường ven biển (phía Tây đầm Thị Nại), đoạn từ Gò Bồi đến Khu Đô thị Diêm Vân	0,000	0,000		
6	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	30.000,000	-19.668,270	10.331,730	
7	Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vần, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	27.500,000	0,000	27.500,000	
8	Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	115.000,000	-84.000,000	31.000,000	
9	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	90.000,000	-55.800,000	34.200,000	
10	Dự án Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	110.000,000	-110.000,000		
11	Dự án Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	107.132,648	-90.764,961	16.367,687	
12	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài	90.000,000	-90.000,000		

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
13	Dự án Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	72.867,352	-69.598,605	3.268,747	
14	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	80.000,000	-53.366,000	26.634,000	
15	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định	10.000,000	0,000	10.000,000	
16	Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 19 – Quốc lộ 1D	75.000,000	-75.000,000		
17	Tuyến đường liên khu vực kết nối tuyến đường đi Nhơn Lý đến Khu lõi đô thị	10.000,000	-3.774,097	6.225,903	
18	Sửa chữa nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội - Nhơn Hải (đoạn từ Khu du lịch Hải Giang đến nút giao với đường N1)	25.000,000	-24.546,000	454,000	
19	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	7.500,000	0,000	7.500,000	
20	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	100.000,000	-100.000,000		
21	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiên - Diêm Vân	200.000,000	-200.000,000		

Ths

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH NĂM 2021 GIỮA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ - HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
*	Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh giảm		-149.163,867		
**	Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh tăng		149.163,867		
	Chi tiết theo nguồn				
A	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG				
I	Điều chỉnh giảm		-70.033,575		
1	Đê sông Gò Châm (đoạn bờ Nam hạ lưu cầu ông Quế), xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	1.573,000	-951,490	621,510	
2	Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh do các công ty nông, lâm nghiệp (không thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP), ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định	585,000	-585,000	0,000	
3	Bố trí cho dự án quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2023, tầm nhìn đến năm 2050	37.592,000	-12.000,000	25.592,000	
4	Bố trí cho dự án quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2023, tầm nhìn đến năm 2050	25.592,000	-25.592,000	0,000	
5	Đối ứng ODA	10.000,000	-10.000,000	0,000	
6	Dự án: Cải tạo sửa chữa công trình trụ sở làm việc Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	124,670	-30,376	94,294	
7	Tuyến đường dọc kênh Lại Giang (đoạn từ nhà thờ Tin Lành đến cầu số 4)	5.600,000	-1.665,422	3.934,578	
8	Đài tưởng niệm Liệt sỹ thanh niên xung phong tỉnh Bình Định	1.069,000	-3,858	1.065,142	
9	Trường mầm non Hoài Hương. HM: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1.675,000	-759,740	915,260	
10	Trường TH số 2 Hoài Mỹ. HM: NLH, nhà bộ môn 02T08P	1.648,000	-1.348,000	300,000	
11	Trường Mầm non xã Canh Hiệp (Hạng mục: Xây dựng 04 phòng lớp học; nhà ăn, nhà bếp, khu vệ sinh, sân bê tông, cổng ngõ tường rào)	1.465,000	-118,819	1.346,181	
12	Nhà làm việc BCH Quân sự xã Canh Liên, huyện Vân Canh	480,000	-68,000	412,000	
13	Sửa chữa Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội Bình Định, hạng mục: Nhà ở đối tượng, hệ thống thoát nước và bờ kè	995,000	-53,798	941,202	
14	Nhà làm việc BCH QS xã Phước Lộc	180,000	-180,000	0,000	
15	Nhà làm việc BCH Quân sự cấp xã	3.037,000	-3.037,000	0,000	
16	Xử lý thanh toán các công trình quyết toán	40.000,000	-10.000,000	30.000,000	
17	Xây dựng đường khu du lịch sinh thái khu nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Thạnh	3.912,135	-1.333,017	2.579,118	
18	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Lộc, Phước Hiệp và vùng phụ cận huyện Tuy Phước	5.923,000	-892,055	5.030,945	
19	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án TP Quy Nhơn	1.415,000	-1.415,000	0,000	
	Điều chỉnh tăng		70.033,575		
1	Trường THCS Tăng Bạt Hổ. HM: XD mới nhà lớp học 06 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	1.200,000	951,490	2.151,490	

Stt	Danh mục	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
2	Dự án Cầu kết nối từ trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão	0,000	9.000,000	9.000,000	
3	Dự án Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông An Lão	0,000	3.000,000	3.000,000	
4	Trường THCS Ân Tường Tây. Hạng mục nâng cấp: Nhà bộ môn 2 tầng 6 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	0,000	585,000	585,000	
5	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối ĐT.633 (Quốc lộ 1) đến ĐT.634, huyện Phù Cát	2.000,000	2.000,000	4.000,000	
6	Trường Trung học cơ sở Cát Tài, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	0,000	700,000	700,000	
7	Trường Tiểu học Cát Chánh (điểm trường Chánh Hội), hạng mục: Nhà 02 tầng 08 phòng (04 phòng học và 04 phòng chức năng)	0,000	700,000	700,000	
8	Trường tiểu học số 1 Nhơn Thành (điểm chính Châu Thành) - Hạng mục: Xây dựng khối phòng học chức năng 02 tầng 06 phòng	500,000	1.123,000	1.623,000	
9	Trường tiểu học số 2 Nhơn Hưng (điểm chính Xita) - Hạng mục: Xây dựng khối phòng học chức năng và hiệu bộ (nhà 02 tầng 06 phòng)	0,000	1.040,000	1.040,000	
10	Trường mầm non Nhơn Thọ - Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 03 phòng	0,000	952,000	952,000	
11	XD hệ thống kênh điều tiết chống thất nước Hồ Mỹ Bình	1.486,621	1.454,379	2.941,000	
12	Sửa chữa, nâng cấp đập Chùa, xã Hoài Hào	800,000	285,000	1.085,000	
13	Tuyến đường từ ngã ba công chào đến sông Xương, thị xã Hoài Nhơn	1.000,000	2.882,000	3.882,000	
14	Trường mầm non Hoài Thanh (Thôn Trường An 2)-Hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.300,000	2.883,000	4.183,000	
15	Cầu Mương Cái, xã Hoài Châu	500,000	1.000,000	1.500,000	
16	Sân vận động Tam Quan và Khu tái định cư do GPMB xây dựng sân vận động thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn	1.000,000	1.000,000	2.000,000	
17	Trường TH Hoài Châu, hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 14 phòng (08 phòng học + 06 phòng bộ môn) và nhà hiệu bộ	0,000	500,000	500,000	
18	Khắc phục lũ lụt sạt lở tuyến đường Bù Nủ đi thôn T4, T5	3.000,000	970,305	3.970,305	
19	Nâng cấp tuyến đường Ân Hữu - ĐakMang (đoạn Xuân Sơn và đoạn cầu nước Lương đi thôn T6 xã ĐakMang)	4.100,000	7.059,583	11.159,583	
20	Nâng cấp kè cầu Phong Thạnh (đoạn thị trấn Tăng Bạt Hổ)	4.000,000	3.000,000	7.000,000	
21	Cầu Phú Văn (giai đoạn 2)	12.242,290	6.500,000	18.742,290	
22	Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Phước Sơn	0,000	567,733	567,733	
23	Trường Trung học cơ sở Phước Thành - hạng mục: Nhà lớp học bộ môn	450,000	975,000	1.425,000	
24	Trường THCS Đào Duy Từ; Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	0,000	725,575	725,575	
25	Trường TH Hoài Đức, HM: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	0,000	457,000	457,000	
26	Nhà làm việc BCH quân sự xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ	180,000	277,000	457,000	
27	Nhà làm việc BCH quân sự xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	180,000	274,000	454,000	
28	Nhà làm việc BCH quân sự xã Mỹ Lộc, huyện Phù Mỹ	180,000	263,000	443,000	
29	Xây dựng chợ Trung tâm xã Canh Hiệp	1.000,000	118,819	1.118,819	
30	Nhà làm việc BCH Quân sự xã Canh Thuận, huyện Vân Canh.	385,000	29,000	414,000	
31	Nhà làm việc BCH Quân sự xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	100,000	25,000	125,000	

Th 96

Stt	Danh mục	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
32	Nhà làm việc BCH Quân sự xã Canh Hiền, huyện Văn Canh.	285,000	454,459	739,459	
33	Kè sông Gò Châm khu vực Tiên Hòa, phường Nhơn Hưng	1.000,000	700,000	1.700,000	
34	Kè sông Kôn (đoạn bờ ông Lộc, khu vực Phụ Quang)	1.000,000	724,160	1.724,160	
35	Nhà làm việc BCH QS xã Phước Hoà	285,000	180,000	465,000	
36	Khu TĐC di dời khẩn cấp 36 hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh	4.258,000	3.037,000	7.295,000	
37	Các chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	0,000	10.000,000	10.000,000	
38	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình hồ chứa nước Đồng Mít	0,000	2.225,072	2.225,072	
39	Nhà làm việc Ban CHQS phường Hoài Đức	300,000	250,000	550,000	
40	Nhà làm việc Ban CHQS xã Hoài Xuân	200,000	510,000	710,000	
41	Nhà làm việc Ban CHQS xã Vĩnh Hòa	100,000	655,000	755,000	
B	VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT				
I	Điều chỉnh giảm		-59.982,738		
1	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025	5.000,000	-4.500,000	500,000	
2	Tuyến đường trục Khu kinh tế nổi dài từ Km0+00 đến Vịnh Mai Hương	59.689,057	-4.882,695	54.806,362	
3	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	3.184,000	-1.511,000	1.673,000	
4	Dự án Trung tâm hội nghị của tỉnh	15.700,000	-1.090,000	14.610,000	
5	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án TP Quy Nhơn	3.184,000	-1.000,000	2.184,000	
6	Dự án: Đầu tư hạ tầng Khu đất xã Phước Lộc (giai đoạn 1) phục vụ bố trí TĐC Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải	3.915,326	-355,931	3.559,395	
7	Dự án: Đầu tư hạ tầng khu đất tại xã Phước Lộc (giai đoạn 2) phục vụ bố trí các cơ sở di dời khỏi thành phố Quy Nhơn	11.083,029	-828,823	10.254,206	
8	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp bến cập tàu Cảng cá Tam Quan – Giai đoạn I	15.000,000	-5.000,000	10.000,000	
9	Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định	7.100,000	-6.940,519	159,481	
10	Chi phí bồi thường và Tái định cư thuộc dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã 3 Long Vân đến bến xe liên tỉnh	5.355,751	-737,712	4.618,039	
11	Hỗ trợ đầu tư hợp tác bên Lào	1.500,000	-1.500,000	0,000	
12	Các Chương trình mục tiêu Quốc gia	18.900,000	-18.900,000	0,000	
13	Đường ven biển (phía tây Đầm Thị Nại) đoạn từ Cát Tiến Gò Bồi	4.475,203	-4.475,203	0,000	
14	Các bia di tích được xếp hạng	834,000	-834,000	0,000	
15	Cải tạo, sửa chữa bể bơi lớn (bể bơi huấn luyện và thi đấu) tại trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh	1.411,000	-212,453	1.198,547	
16	Đàn Tế trời đất (Đài Kinh Thiên)	1.349,000	-30,402	1.318,598	
17	Đường hầm Sh02-BĐ13	5.500,000	-5.000,000	500,000	
18	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án TP Quy Nhơn	2.184,000	-2.184,000	0,000	
	Điều chỉnh tăng		59.982,738		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Bù Nú đi T4, T5, huyện Hoài Ân	0,000	3.000,000	3.000,000	



Trang 3/6

Stt	Danh mục	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
2	Trường THCS Ân Thạnh; hạng mục: Xây dựng 08 phòng học, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	0,000	1.500,000	1.500,000	
3	Khắc phục lũ lụt sạt lở tuyến đường Bù Nủ đi thôn T4, T5	0,000	4.882,695	4.882,695	
4	Sửa chữa, cải tạo cơ sở cai nghiện ma túy, phường Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. HM: Nhà ở học viên, cai nghiện thuộc đối tượng nữ	750,000	450,000	1.200,000	
5	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Trung tâm nuôi dưỡng người Tâm thần Hoài Nhơn	750,000	450,000	1.200,000	
6	Cải tạo, sửa chữa bể bơi lớn (bể bơi huấn luyện và thi đấu) tại trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh	800,000	611,000	1.411,000	
7	Dự án Cải tạo hệ thống điện của Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.200,000	3.430,641	4.630,641	
8	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại Khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000,000	794,344	5.794,344	
9	Dự án Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở khu sản xuất tái định cư hồ Đồng Mít, sông An Lão	0,000	1.500,000	1.500,000	
10	Dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	0,000	500,000	500,000	
11	Dự án Khắc phục cấp bách tuyến đường từ xã Ân Hào Tây, huyện Hoài Ân đi xã An Hòa, huyện An Lão, kết hợp sử dụng làm đường tránh ngập phía Tây tuyến ĐT.629 trong mùa mưa lũ	0,000	2.500,000	2.500,000	
12	Dự án Hệ thống tưới, tiêu Tà Loan	10.000,000	1.900,000	11.900,000	
13	Trường TH số 2 Tam Quan Bắc, hạng mục: nhà lớp học 03 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ	0,000	1.500,000	1.500,000	
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường số 2 (đoạn kết nối đường ĐT.638 với đường ĐT.639), huyện Hoài Nhơn	0,000	1.136,000	1.136,000	
15	Kè Xóm 6 Hiếu An, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn	200,000	300,000	500,000	
16	Trường tiểu học số 1 Đập Đá (điểm chính khu vực Bằng Châu); Hạng mục: Xây dựng khối phòng chức năng 02 tầng 06 phòng	0,000	1.028,000	1.028,000	
17	Trường THCS Nhơn Hậu - Hạng mục Xây dựng nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	0,000	1.000,000	1.000,000	
18	Đê Gò Chòi, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	0,000	1.500,000	1.500,000	
19	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Nhơn Hòa	0,000	1.500,000	1.500,000	
20	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	0,000	1.000,000	1.000,000	
21	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	0,000	1.500,000	1.500,000	
22	Trạm KSBP Mỹ Đức thuộc Đồn Biên phòng Mỹ An (312)	0,000	1.000,000	1.000,000	
23	Trạm KSBP Mũi Tấn thuộc Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Quy Nhơn	0,000	2.250,000	2.250,000	
24	Trạm KSBP Cát Tiến thuộc Đồn Biên phòng Cát Khánh (316)	0,000	2.250,000	2.250,000	
25	Nhà làm việc Ban CHQS xã Cát Tường	180,000	440,000	620,000	
26	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên huyện (đoạn từ QL 19 B đến đường trục khu kinh tế nối dài)	0,000	2.208,000	2.208,000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
27	Sửa chữa gia cố đê suối thôn Chánh Thắng	0,000	2.000,000	2.000,000	
28	Trường mẫu giáo bán trú xã Cát Hanh, Hm: Nhà lớp học 02 tầng, 6 phòng và các phòng chức năng	0,000	2.000,000	2.000,000	
29	Khu TĐC di dời khẩn cấp 36 hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh	0,000	3.000,000	3.000,000	
30	Trường TH số 1 cát Tường (điểm trường Xuân Quang), HM: NLH 02 tầng 10 phòng (04 phòng chức năng và 06 phòng học)	0,000	116,000	116,000	
31	Đập dâng Lão Tâm	30.000,000	4.752,058	34.752,058	
32	Trường mầm non Ân Tường Đông (nhà lớp học 02 tầng 06 phòng)	0,000	800,000	800,000	
33	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi huyện An Lão	0,000	409,499	409,499	
34	Nhà làm việc Ban CHQS xã Vĩnh Thuận	0,000	630,000	630,000	
35	Trường THCS Ân Tường Tây (NBM 02 tầng 06 phòng)	0,000	500,000	500,000	
36	Trường mầm non Ân Hữu (Điểm chính) nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	0,000	500,000	500,000	
37	Trường THCS Tăng Bạt Hổ. HM: XD mới nhà lớp học 06 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	1.000,000	500,000	1.500,000	
38	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nhà Đá - An Lương, huyện Phù Mỹ	0,000	2.300,000	2.300,000	
39	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt Mỹ Tài	1.500,000	2.344,501	3.844,501	
C	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT				
I	Điều chỉnh giảm		-5.847,554		
1	Trường Mầm non xã Canh Hiền	447,501	-438,554	8,947	
2	Trường mầm non xã Canh Hiệp; HM: Nhà hiệu bộ)	724,000	-409,000	315,000	
3	Xây dựng mới khu nhà điều trị - nhà hành chính của Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	8.000,000	-5.000,000	3.000,000	
	Điều chỉnh tăng		5.847,554		
1	Trường THCS Hoài Châu Bắc, HM nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng và nhà hiệu bộ	2.000,000	1.500,000	3.500,000	
2	Trường Tiểu học số 1 Hoài Hương - Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 12 phòng (06 phòng học + 06 phòng bộ môn) và Nhà hiệu bộ, thị xã Hoài Nhơn	1.000,000	2.409,000	3.409,000	
3	Trường THCS Hoài Mỹ, HM Nhà bộ môn, nhà lớp học 02 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ	1.000,000	1.938,554	2.938,554	
D	NGUỒN VỐN KHÁC CỦA NGÂN SÁCH TỈNH				
I	Điều chỉnh giảm		-13.300,000		
1	Dự án Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung, hạng mục: Khu đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt	14.750,000	-2.200,000	12.550,000	
2	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu C và phục dựng cảnh quan Bến Trường Trầu tại Bảo tàng Quang Trung	13.500,000	-1.100,000	12.400,000	
3	Nhà làm việc 2A Trần Phú	25.000,000	-10.000,000	15.000,000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
	Điều chỉnh tăng		13.300,000		
1	Dự án Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung, hạng mục: Nội thất trưng bày và bài trí thờ tự tại Khu đền thờ Tây Sơn tam kiệt (tạo hình và sắp đặt, trang trí không gian thờ tự)	0,000	2.200,000	2.200,000	
2	Dự án Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung				
-	Hạng mục: Căn tin, bán hàng lưu niệm và Kè cảnh quan đập tràn mương Văn phong	0,000	200,000	200,000	
-	Hạng mục: Tư vấn thiết kế Bản vẽ thi công phần xây lắp Khu Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt (phần việc do Sở VH TT làm chủ đầu tư)	0,000	900,000	900,000	
3	Đập dâng Lão Tâm, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	26.600,000	3.000,000	29.600,000	
4	Hệ thống kênh tưới hồ Đồng Mít	0,000	6.000,000	6.000,000	
5	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình hồ chứa nước Đồng Mít	0,000	1.000,000	1.000,000	

Ths